

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2018/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 10 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị thông qua Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Đối tượng áp dụng**

Chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020**

**1. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa như sau:**

**a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động**

<b>TT</b>	<b>Khu vực và biện pháp công trình</b>	<b>Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)</b>
1	Đối với các huyện miền núi, các xã miền núi thuộc huyện đồng	